ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP.HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG PHỔ THÔNG NĂNG KHIẾU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN LỚP: TOÁN

Kỳ thi tuyển sinh lớp 10 năm học 2014-2015

STT	SBD	Họ - tên lót	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Văn	Anh	Toán	Toán chuyên	Điểm xét tuyển
1	140088	Khương Hồng	Anh	03/09/1999	Tp Hồ Chí Minh	Nữ	3.5	7.1	8.25	7	32.85
2	140273	Nguyễn Phước	Bách	31/08/1999	Tp Hồ Chí Minh	Nam	3.5	6.4	8.5	9	36.4
3	140307	BÙI QUỐC THÁI	BÌNH	05/08/1999	Bình Phước	Nam	4	7.5	9	6	32.5
4	140380	Nguyễn Ngọc Linh	Chi	31/03/1999	Tp Hồ Chí Minh	Nữ	5.25	6.6	8.5	7	34.35
5	140473	Đặng Minh	Dũng	27/05/1999	Tp Hồ Chí Minh	Nam	5.5	7.8	7.25	7	34.55
6	140505	Đỗ Ngọc Quốc	Duy	06/11/1999	Tp Hồ Chí Minh	Nam	3.5	6.6	8.25	8	34.35
7	140522	Nguyễn	Duy	25/12/1999	Tp Hồ Chí Minh	Nam	4	6.5	7.5	7.5	33
8	140531	Nguyễn Khắc	Duy	01/01/1999	Bình Định	Nam	5.75	5.8	8.75	9.5	39.3
9	140609	Trần Nguyễn Mạnh	Đan	22/02/1999	Tp Hồ Chí Minh	Nam	5	8.1	9	8.5	39.1
10	140688	Lê Phúc	Đức	06/01/1999	Đồng Nai	Nam	3.75	6	7.75	8	33.5
11	140703	Phạm Minh	Đức	22/02/1999	Tp Hồ Chí Minh	Nam	5.5	9.3	8	5.25	33.3
12	140713	Trương An	Đức	04/11/1999	Tp Hồ Chí Minh	Nam	4.25	8	8.25	6	32.5
13	140972	Lê Hữu	Hoàng	29/09/1999	Đồng Nai	Nam	4.5	6.4	7.75	8.75	36.15
14	141006	Trần Dương Việt	Hoàng	21/10/1999	Tp Hồ Chí Minh	Nam	5.75	8	9	7	36.75
15	141055	Đỗ Trần Nguyên	Huy	16/08/1999	Tp Hồ Chí Minh	Nam	5.25	6.9	10	9	40.15
16	141125	Trần Nguyễn Nhật	Huy	09/11/1999	An Giang	Nam	5	7.4	7.5	6.25	32.4
17	141172	Trần Vinh	Hưng	17/12/1999	Tp Hồ Chí Minh	Nam	2.5	5.6	7	8.25	31.6
18	141189	Nguyễn Quỳnh	Hương	04/03/1999	Tp Hồ Chí Minh	Nữ	4.5	9.1	8.25	6.5	34.85
19	141233	LÊ TẤN	KHANG	24/06/1999	Đồng Nai	Nam	4.25	5.3	8.5	7.75	33.55
20	141245	Nguyễn Phan Quốc	Khang	25/06/1999	Tp Hồ Chí Minh	Nam	5	7.1	8.5	8	36.6
21	141435	Đinh Nguyễn Hoàng	Kim	16/08/1999	Gia Lai	Nam	6	7.5	7	6	32.5
22	141553	Phi Yến	Linh	13/06/1999	Tp Hồ Chí Minh	Nữ	5.5	8.4	7.25	5.5	32.15
23	141676	Phạm Nguyễn	Mạnh	28/10/1999	Tp Hồ Chí Minh	Nam	4.75	7.8	8.5	8.5	38.05
24	141822	TRỊNH HOÀNG	NAM	25/04/1999	Tp Hồ Chí Minh	Nam	3.75	7.9	6.75	8	34.4
25	141874	Quách Gia	Nghi	30/12/1999	Tp Hồ Chí Minh	Nữ	4.75	8.4	8	7.25	35.65
26	141900	TRẦN ĐẠI	NGHĨA	09/05/1999	Tp Hồ Chí Minh	Nam	3.75	6	8	7	31.75
27	141971	Huỳnh Phạm Minh	Nguyên	19/06/1999	Tp Hồ Chí Minh	Nam	5.25	4.5	9	7.25	33.25
28	142019	Võ Ngọc Sĩ	Nguyên	17/06/1999	Bình Định	Nam	6	8	8	8.25	38.5
29	142077	Phạm Hoàng	Nhật	22/02/1999	Tp Hồ Chí Minh	Nam	5.25	9.4	9.5	8.75	41.65
30	142235	Trương Tấn	Phát	06/08/1999	Long An	Nam	4.5	6.6	9	6	32.1
31	142438	Bùi Việt Minh	Quân	25/02/1999	Tp Hồ Chí Minh	Nam	5.75	7.8	8.75	6.25	34.8
32	142631	Phan Duy Nhật	Tân	27/07/1999	Tp Hồ Chí Minh	Nam	2.5	8.8	7.75	6.5	32.05
33	142647	Khổng Minh	Thái	04/02/1999	Tp Hồ Chí Minh	Nam	4.75	9.1	7.75	5.75	33.1
34	142779	Trần Nguyễn Mạnh	Thiên	22/02/1999	Tp Hồ Chí Minh	Nam	5.25	8	8.5	9	39.75
35	142785	LÊ THÀNH	THIỆN	10/02/1999	Tp Hồ Chí Minh	Nam	4.5	5.5	8.5	7	32.5
36	142808	Trần Lê Bá	Thịnh	24/03/1999	Tiền Giang	Nam	7	5.9	9	7.5	36.9
37	142809	TRẦN VŨ QUANG	THỊNH	18/06/1999	Tp Hồ Chí Minh	Nam	5.5	6.1	8.5	6	32.1
38	142818	Hoàng Huy	Thông	23/08/1999	Đắk Lắk	Nam	2.75	7.1	9	9.5	37.85
39	142843	Trần Thái	Thông	09/06/1999	Khánh Hòa	Nam	4	6.6	9.75	6	32.35
40	143103	LÊ NGỌC BẢO	TRÂN	19/08/1999	Tp Hồ Chí Minh	Nữ	3.75	8.1	5.25	8	33.1
41	143105	Lư Bảo	Trân	07/01/1999	Tp Hồ Chí Minh	Nữ	8.25	9.1	6.5	5.5	34.85
42	143112	Nguyễn Ngọc Bảo	Trân	01/08/1999	Tiền Giang	Nữ	4.75	7.6	6.75	7.75	34.6

STT	SBD	Họ - tên lót	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Văn	Anh	Toán	Toán chuyên	Điểm xét tuyển
43	143130	HỒ MINH	TRÍ	31/05/1999	Tp Hồ Chí Minh	Nam	5.5	9.5	7	5	32
44	143141	Nguyễn Minh	Trí	11/10/1999	Tp Hồ Chí Minh	Nam	4.75	6.4	7.75	6.75	32.4
45	143159	Phạm Hữu	Triết	02/12/1999	Tp Hồ Chí Minh	Nam	7	6.3	7.75	6.25	33.55
46	143427	Lê Hoàng	Vinh	17/06/1999	Bình Định	Nam	4	4.9	8.75	9.5	36.65
47	143434	Nguyễn Thái	Vinh	05/11/1999	Tp Hồ Chí Minh	Nam	4.75	5.6	7.5	7	31.85

Danh sách có 47 học sinh

Tp.HCM, ngày 23 tháng 6 năm 2014
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

HIỆU TRƯỞNG
GS.TS. TRẦN LINH THƯỚC